

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Tân.

2. Ông Trần Trọng Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/4/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST – HNGĐ ngày 22/01/2018 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST– HNGĐ ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: A, tổ B, đường LL, khu PT, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Tổng Thị M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: C, ấp D, xã BA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Thanh P, sinh năm 1990 và chị Tổng Thị H, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: E, ấp F, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Anh Đ, chị M, anh P, chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn, anh Trần Minh Đ trình bày:**

Anh và chị Tổng Thị M tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Thành. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M cho rằng anh có bồ và dùng những lời lẽ mất dạy chửi cha mẹ anh. Hai

bên đã xảy ra đánh nhau, tình cảm vợ chồng không cứu vãn được nên anh xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Minh H, sinh ngày 11/9/2012. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu H cho chị M nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

*** *Tại Bản tự khai ngày 31/01/2018 và các Biên bản hòa giải, bị đơn chị Tổng Thị M trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ có người phụ nữ khác dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau, xô xát khiến chị phải nhập viện. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng do chưa thống nhất được việc chia tài sản chung nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Minh H, sinh ngày 11/9/2012. Nếu Tòa án cho ly hôn thì chị xin được nuôi con, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ vợ chồng anh Ngô Thanh P, Tổng Thị H 120.000.000đ. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Trong các bản tự khai và Biên bản hòa giải, bị đơn Tổng Thị H, anh Ngô Thanh P trình bày:***

Vợ chồng anh chị là em gái, em rể của chị Tổng Thị M. Tháng 4/2017, vợ chồng anh chị cho vợ chồng chị M vay số tiền 120.000.000đ để xây nhà, không thỏa thuận lãi suất, không có giấy tờ và cũng không cầm cố, thế chấp gì. Chị M hẹn đến tháng 4/2018 sẽ hoàn trả. Nay, chị M không đồng ý ly hôn nên anh chị cũng không yêu cầu giải quyết vấn đề nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đ và chị M được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Trần Minh Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 11/9/2012 cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành lập biên bản hướng dẫn đương sự làm đơn khởi kiện nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Tổng Thị H hiện đang cư trú tại xã BA, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Minh Đ khởi kiện xin được ly hôn với chị Tổng Thị M và giải quyết vấn đề con chung, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh Đ và chị Tổng Thị M tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa anh Đ và chị M là hôn nhân hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo anh Đ và chị M thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị M cho rằng anh có người phụ nữ khác nên hai bên cãi nhau, đánh nhau. Cả hai bên đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2017 tới nay, nhưng do chưa giải quyết được vấn đề tài sản chung nên chị M không đồng ý ly hôn.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị M là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, nếu có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự vẫn không đoàn tụ được, anh Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn. Lý do chị M không đồng ý ly hôn là

do chưa thỏa thuận được việc chia tài sản chung, không phải do tình cảm vợ chồng vẫn còn. Do đó, chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị M là phù hợp.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Minh H, sinh ngày 11/9/2012. Ly hôn, anh Đ và chị M đều muốn giao cháu Hiệp cho chị M nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Do đó, giao cháu Hiệp cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành lập biên bản hướng dẫn đương sự làm đơn khởi kiện nhưng chị M không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung, anh P và chị H không làm đơn yêu cầu độc lập nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: Anh Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Minh Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Minh Đ được ly hôn với chị Tống Thị M.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Minh H, sinh ngày 11/9/2012.

Giao cháu Hiệp cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hiệp trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Anh Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Long Thành theo biên lai thu số 005327 ngày 18/01/2018. Anh Đ còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung